

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:117/2018/HSST
Ngày 29/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ– THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu H.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Đ.**

2. Bà Nguyễn Thị M.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thịnh Quang T–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị H–Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 120/TLST–HS ngày 08/8/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST–HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ nơi cư trú: Đội X, Thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Văn T; Con bà: Nguyễn Thị C; Vợ: Nguyễn Thị T; Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 06/10/2016 cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm số A, huyện S, thành phố H; Bắt tạm giam ngày: 18/4/2018.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1999; HKTT: Thôn Y, xã Đ, huyện C, Thành phố H; Chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H.

2. Chị Đào Thị Thanh H, sinh năm 1995; HKTT: Khu b, huyện H, tỉnh P; Chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H.

3. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1992; HKTT: Xóm K, huyện L, tỉnh H; Chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Anh Kim Văn H**, sinh năm 1990; HKTT: xã Vhuyên V, tỉnh V; Chỗ ở: đường Đ, thôn B, xã K, huyện Đ, TP. H.

Các người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/4/2018 chị Nguyễn Thị Thu H (SN 1999; HKTT: xã Đ, huyện C, thành phố H; Chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, TP. H) đến Cơ quan công an huyện Đ trình báo sự việc khoảng 13h45' cùng ngày tại khu vực cổng A Khu Công nghiệp T thuộc thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H. chị bị 01 nam thanh niên đi xe máy (không rõ loại xe và biển kiểm soát) cướp giật chiếc điện thoại OPPO F5 màu GOLD lắp sim số thuê bao 0963703843.

Ngày 17/4/2018, Nguyễn Văn H (SN 1989; HKTT và chỗ ở: xã K, huyện Đ, TP.H) đến Phòng Cảnh sát hình sự - Công an TP.Hà Nội đầu thú khai nhận hành vi Cướp giật tài sản ngày 09/4/2018 tại thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H.

Nội dung vụ án thể hiện: Khoảng 10h00 ngày 09/4/2018, Nguyễn Văn H mượn chiếc xe máy Yamaha Sirius, BKS: 29T1-0580 của ông Nguyễn Đức T (sinh năm 1972; HKTT và chỗ ở: xã K, huyện Đ, TP.H, là chú ruột của H), H nói với ông T mượn xe để chở củi cho mẹ, ông T đồng ý.

Khoảng 13h45' ngày 09/4/2018, Nguyễn Văn H điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 29T1-0580 đến khu vực cổng A - Khu công nghiệp T thuộc thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H quan sát tìm sở hữ của công nhân đi làm để cướp giật tài sản. Nguyễn Văn H nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thu H ngồi sau xe đạp do chị Ngô Thị T chở đi cùng chiều phía trước, chiếc điện thoại Oppo F5 màu GOLD của chị H để ở túi quần sau bên phải lộ một nửa ra ngoài liền phóng xe áp sát cùng chiều bên trái giật chiếc túi xách bỏ chạy về hướng cầu vượt khu Công nghiệp T.

Khoảng 15h00' cùng ngày, H đến khu vực kênh G thuộc xã K, huyện Đ, H tháo vớt bỏ chiếc simcard điện thoại cướp giật được của chị H xuống kênh rồi đi đến cửa hàng mua bán điện thoại "QT Mobile" ở thôn B, xã K do anh Kim Văn H (sinh năm 1990; HKTT: xã V, huyện V, tỉnh V; Chỗ ở: đường Đ, thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H) làm chủ thỏa thuận bán chiếc điện thoại Oppo F5 được 2.800.000 đồng. Khi thỏa thuận mua bán, H nói chiếc điện thoại là của H do cần tiền nên phải bán. H đã tiêu xài hết số tiền 2.800.000 đồng. Ngày 17/4/2018, anh Kim Văn H nghi ngờ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5 là tài sản vi phạm pháp luật mà có nên đến Phòng Cảnh sát hình sự – Công an thành phố H trình bày sự việc và tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động để phục vụ công tác điều tra vụ án.

Tại kết luận số 162 ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng huyện Đ, kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, màu GOLD, cùng simcard (số thuê bao 0963703xxx) bị chiếm đoạt, trị giá: 5.650.000 đồng.

Đối với anh Kim Văn H mua chiếc điện thoại do bị can H bán, không biết tài sản do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngoài hành vi Cướp giật tài sản của chị H ngày 09/4/2018, H còn khai nhận trong thời gian tháng 2 và tháng 3/2018, H còn 02 lần thực hiện hành vi Cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 19h20' ngày 04/02/2018, Nguyễn Văn H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS: 29S1-263.77 đi trên đường trong khu Công nghiệp T, huyện Đ, TP.H quan sát tìm sơ hở của công nhân đi làm để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Khi đi đến đoạn đường phía trước Công ty S, Nguyễn Văn H phát hiện chị Đào Thị Thanh H (SN 1995; HKTT: Khu B, huyện H, tỉnh P; Chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H) điều khiển xe đạp đi một mình, giỏ xe đạp phía trước để 01 chiếc túi xách vải, liền phóng xe áp sát bên trái giật chiếc túi xách bỏ chạy về hướng cổng C khu Công nghiệp T tẩu thoát. Nguyễn Văn H đến khu đất trống trong dự án khu nhà nghỉ M thuộc xã T, huyện M, TP. H mở túi kiểm tra thấy trong túi có 01 áo thun nữ, 01 sạc pin dự phòng, 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A5 cùng simcard lắp số thuê bao 0979521xxx. Nguyễn Văn H lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5, tháo simcard điện thoại cho vào trong túi sách cùng các đồ vật khác vứt xuống cống nước rồi mang chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A5 đến một cửa hàng mua bán điện thoại trên địa bàn quận C, tp H (không rõ địa chỉ cụ thể) bán được 750.000 đồng, H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm chiếc túi xách, 01 áo thun nữ, 01 sạc pin dự phòng, sim điện thoại số thuê bao 0979521xxx của chị H nhưng không thấy.

Tại Kết luận định giá số 22 ngày 26/2/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Đ kết luận: 01 chiếc túi bằng vải da trị giá: 15.000 đồng; 01 chiếc áo thun dài tay màu hồng trị giá: 100.000 đồng; 01 chiếc sạc pin dự phòng trị giá: 400.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A5 trị giá: 5.600.000 đồng; 01 Simcard điện thoại trị giá: 50.000 đồng. Tổng trị giá tài sản của chị Đào Thị Thanh H bị chiếm đoạt là: 6.165.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 20h00' ngày 10/03/2018, Nguyễn Văn H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 29S1-263.77 đi trên đường trong khu Công nghiệp T, huyện Đ, TP.H quan sát tìm sơ hở của công nhân đi làm để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Khi đi đến khu vực cầu vượt mương nước trong khu công nghiệp T, cách công ty M khoảng 50m, H phát hiện chị Bùi Thị H (SN 1992; HKTT: huyện L, tỉnh H; Chỗ ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H) điều khiển xe đạp đi một mình, giỏ phía trước

xe đạp để 01 chiếc túi xách liền phóng xe áp sát cùng chiều bên trái giật chiếc túi xách bỏ chạy về hướng cổng B khu Công nghiệp T tàu thoát.

Nguyễn Văn H mang chiếc túi xách cướp giật được đến khu vực bờ kênh G phía trước Bệnh viện N thuộc xã K, huyện Đ, TP.H kiểm tra bên trong túi có 01 bộ quần áo đồng phục công nhân của Công ty M, 01 áo trắng dài tay, 01 ví giả da bên trong có 900.000 nghìn đồng tiền mặt. H lấy 900.000 đồng tiền mặt rồi vứt túi xách cùng các đồ vật khác trong túi xuống kênh nước. Số tiền 900.000 đồng chiếm H chiếm đoạt được đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm 01 chiếc túi xách, 01 bộ quần áo đồng phục công nhân, 01 áo trắng dài tay, 01 ví giả da của chị H nhưng không thấy.

Tại Kết luận định giá số 111 ngày 10/4/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Đ kết luận: 01 chiếc túi xách màu đen giả da trị giá: 100.000 đồng; 01 bộ quần áo công nhân của Công ty M trị giá: 200.000 đồng; 01 áo trắng dài tay nữ trị giá: 100.000 đồng; 01 ví giả da trị giá: 40.000 đồng; Như vậy, tổng trị giá tài sản của chị H bị chiếm đoạt là: 1.340.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng:

- Của anh Kim Văn H (tự nguyện giao nộp): 01 điện thoại di động Oppo F5, màu GOLD số IMEI 1: 867458039191715, số IMEI 2: 867458039191707.

- Của ông Nguyễn Đức T (tự nguyện giao nộp): 01 xe máy Sirius, màu xám, BKS: 29T1-0580; SK, SM: U3-17483.

- Của bà Nguyễn Thị C (SN 1965, HKTT và chỗ ở: Đội D, xã K, huyện Đ, TP.H; mẹ của Nguyễn Văn H) tự nguyện giao nộp: 01 xe máy Honda Dream, màu nâu BKS: 29S1-26377; SK: 389426, SM: 1689514.

- Của ông Nguyễn Văn T (SN 1964; HKTT và chỗ ở: xã K, huyện Đ, TP.H; bố của Nguyễn Văn H) tự nguyện giao nộp: Số tiền 10.305.000 đồng để khắc phục hậu quả thay bị can H.

Về dân sự: Chị Thanh H yêu cầu được bồi thường số tiền 6.165.000 đồng; Chị Thị H yêu cầu được bồi thường số tiền 1.340.000 đồng, anh H yêu cầu được bồi thường số tiền 2.800.000 đồng. Ngày 13/7/2018 Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị Thanh H, chị Thị H và anh H. Sau khi nhận tiền bồi thường, chị Thanh H, chị Thị H và anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, vỏ màu GOLD là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu H, ngày 13/7/2018, Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị Hằng. Sau khi nhận lại tài sản, chị H không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS:29S1-263.77, số khung: 389426, số máy: 1689514, H sử dụng khi thực hiện hành vi cướp giật tài

sản. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe máy BKS: 29S1-263.77 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T, việc H sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông T không biết. Ngày 13/7/2018, Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy cho ông T. Sau khi nhận lại tài sản, ông T không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám, BKS:29T1-0580, số khung: U3-17483, số máy: U3-17483, giấy đăng ký xe tên anh Nguyễn Xuân H (SN: 1984; HKTT và chỗ ở: xã K, huyện Đ, TP.H). Cơ quan điều tra đã xác minh, lấy lời khai xác định khoảng tháng 2/2018, anh Hòa cho ông Nguyễn Đức T chiếc xe máy trên để làm phương tiện đi lại. Việc H sử dụng chiếc xe máy BKS:29T1-0580 làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, ông T không biết. Ngày 13/7/2018, Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy cho ông T. Sau khi nhận lại tài sản, ông T không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 120/CT.VKS ngày 07/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn H theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 42 đến 48 tháng tù.

Về dân sự: Đã được giải quyết xong trong quá trình điều tra, nên không đặt ra giải quyết;

Về xử lý vật chứng: Đã trao trả tài sản cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra, nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các người bị hại chị Nguyễn Thị Thu H, chị Đào Thị Thanh H, chị Bùi Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Kim Văn H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra các bị hại đã có đầy đủ lời khai, đã nhận lại tài sản, tiền bồi thường và không có yêu cầu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án nên có căn cứ xác định: Khoảng 13h45' ngày 09/4/2018, tại khu vực cổng A - Khu công nghiệp T thuộc thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H, Nguyễn Văn H có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm (điều khiển xe máy) cướp giật chiếc điện di động nhãn hiệu Oppo F5, màu GOLD cùng simcard của chị Nguyễn Thị Thu H. Trị giá tài sản bị cướp giật là 5.650.000 đồng. Sau khi phạm tội, Nguyễn Văn H ra đầu thú. Với phương thức, thủ đoạn như trên Nguyễn Văn H còn tự thú đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản khác tại Khu Công nghiệp T thuộc thôn B, xã K, huyện Đ, TP.H cụ thể:

- Ngày 04/02/2018 bị cáo đã cướp giật tài sản của chị Đào Thị Thanh H, tổng trị giá tài sản là 6.165.000 đồng;

- Ngày 10/3/2018 bị cáo đã cướp giật tài sản của chị Bùi Thị H, tổng trị giá tài sản là 1.340.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và còn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở nơi đông người thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật. Về nhân thân, bị cáo H không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo là đối tượng nghiện ma túy và năm 2006 đã tự nguyện đi cai nghiện tại Trung tâm số A. Trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nữa mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo; Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và đã tự thú hai hành vi phạm tội trong khi chưa ai phát hiện được bị cáo phạm tội; Gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm r và điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định và là đối tượng nghiện ma túy, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự: Các người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, vỏ màu GOLD cơ quan Công an đã thu giữ là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu H, ngày 13/7/2018 Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị H. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS:29S1-263.77, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T (bố đẻ bị cáo), việc H sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông T không biết, nên ngày 13/7/2018 Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy cho ông T. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám, BKS:29T1-0580, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Đức T (chú ruột bị cáo), việc H sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông T không biết, nên ngày 13/7/2018, Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy cho ông T.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 136; Điều 331; Điều 333; Điều 336; Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm

1 mục I phần A – Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

1. Xử phạt: **Nguyễn Văn H 48 (bốn mươi tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2018.

2. Về phần bồi thường dân sự: Các người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, đã được bồi thường và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu hồi đã trả lại cho người bị hại và chủ sở hữu tài sản, nên Tòa án không xem xét.

4. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt các người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND TP. H;
- Cơ quan THA huyện Đ;
- Công an huyện Đ.
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi n/v l/q;
- Lưu./.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thu H